


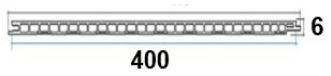

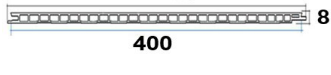
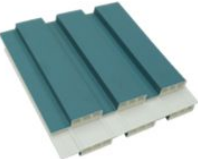
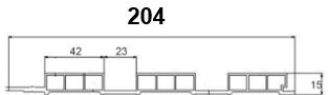

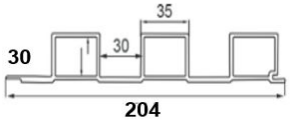
CÔNG TY TNHH QMAX-HOME

Nhà máy sản xuất: Cụm công nghiệp Đồng Vàng, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội


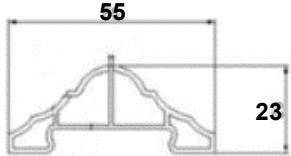

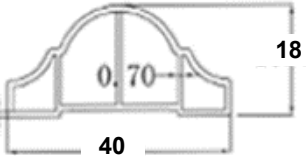

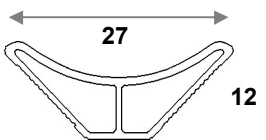

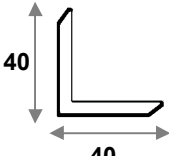

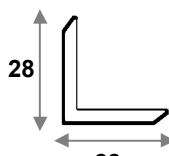


Văn phòng Hà Nội: Số 25/2 phố Văn Phú, KĐT Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội

Kho Hồ Chí Minh: A3/18H Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh

BẢNG BÁO GIÁ HÀNG NỘI THẤT PHỦ FILM


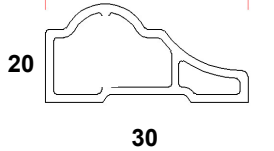

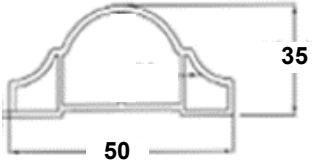

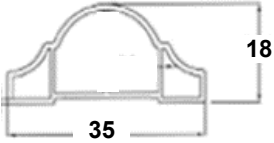

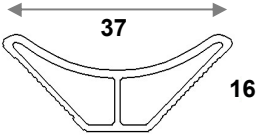

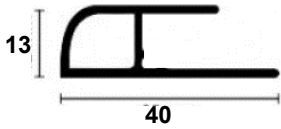



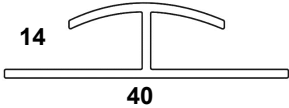
| Stt | Ứng dụng | Mã | Quy cách (mm) | Hình ảnh | Mặt cắt sản phẩm | Đơn giá | | | Định mức m dài/m ² |
|---|-------------------------|----------|------------------------|---|---|---------|---------|--------------------|-------------------------------|
| | | | | | | VNĐ/md | Thanh | VNĐ/m ² | |
| CÓT NHỰA PVC PHỦ FILM DÒNG CAO CẤP 85 MÃ MÀU | | | | | | | | | |
| 1 | * Ốp trần * Ốp tường | NW400T6 | 400(w)x6(h) (L=3m) |  |  | 136,000 | 408,000 | 340,000 | 2.5 |
| 2 | * Ốp trần * Ốp tường | NW400T8 | 400(w)x8(h) (L=3m) |  |  gonhuaqmaxhome.com | 152,000 | 456,000 | 380,000 | 2.5 |
| 3 | * Ốp trần * Ốp tường | NW204T16 | 204(w)x16(h) (L=3m) |  |  | 98,000 | 294,000 | 490,000 | 5.0 |
| 4 | * Ốp trần * Ốp tường | NW204T30 | 204(w)x30(h) (L=3m) |  |  | 100,000 | 300,000 | 500,000 | 5.0 |

| | | | | | | | | | |
|----|-------------------------|----------|------------------------|---|---|---------|---------|---------|-----|
| 5 | * Ốp trần * Ốp tường | NW209T12 | 209(w)x12(h) (L=3m) |  |  | 93,000 | 279,000 | 465,000 | 5.0 |
| 6 | * Ốp trần * Ốp tường | NW209T22 | 209(w)x22(h) (L=3m) |  |  | 105,000 | 315,000 | 525,000 | 5.0 |
| 7 | Phào chân tường 100 | PCTN100 | 100(w)x17(h) (L=3m) |  |  | 65,000 | 195,000 | | |
| 8 | Phào cổ trần 70 | PCTN70 | 100(w)x18(h) (L=3m) |  |  | 50,000 | 150,000 | | |
| 9 | Phào cổ trần 100 | PCTN100 | 100(w)x18(h) (L=3m) |  |  | 68,000 | 204,000 | | |
| 10 | Phào cửa 65 | PCN65 | 65(w)x24(h) (L=3m) |  |  | 64,000 | 192,000 | | |
| 11 | Phào lệch | PLN33 | 33(w)x20(h) (L=3m) |  |  | 47,000 | 141,000 | | |

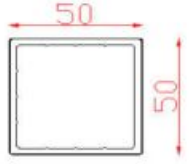

| | | | | | | | | | | |
|---|-------------------------|---------|-----------------------|---|---|--------|---------|---------|-----|--|
| 12 | Phào cân 55 | PCN55 | 55(w)x23(h) (L=3m) |  |  | 47,000 | 141,000 | | | |
| 13 | Phào cân 40 | PCN40 | 40(w)x18(h) (L=3m) |  |  | 47,000 | 141,000 | | | |
| 14 | Nẹp góc trong | PCN27 | 27(w)x12(h) (L=3m) |  |  gonhuaqmaxhome.com | 40,000 | 120,000 | | | |
| 15 | Nẹp V4 | VN40 | 40(w)x40(h) (L=3m) |  |  | 45,000 | 135,000 | | | |
| 16 | Nẹp V3 | VN28 | 28(w)x28(h) (L=3m) |  |  | 40,000 | 120,000 | | | |
| CỘT NHỰA PVC PHỦ FILM DÒNG CAO CẤP 30 MÃ MÀU | | | | | | | | | | |
| 1 | * Ốp trần * Ốp tường | KW400T8 | 400(w)x8(h) (L=3m) |  |  | 76,000 | 228,000 | 190,000 | 2.5 | |

| | | | | | | | | | |
|---|--|----------|------------------------|---|---|---------|---------|---------|-----|
| 2 | * Ốp trần * Ốp tường | KW400T9 | 400(w)x9(h) (L=3m) |  |  | 84,000 | 252,000 | 210,000 | 2.5 |
| 3 | * Ốp trần * Ốp tường * Xương kép | KWK400T9 | 400(w)x9(h) (L=3m) |  |  | 100,000 | 300,000 | 250,000 | 2.5 |
| 4 | * Ốp trần * Ốp tường | KW204T15 | 204(w)x15(h) (L=3m) |  |  | 74,000 | 222,000 | 370,000 | 5.0 |
| 5 | * Ốp trần * Ốp tường | KW204T20 | 204(w)x20(h) (L=3m) |  |  | 78,000 | 234,000 | 390,000 | 5.0 |
| 6 | * Ốp trần * Ốp tường | KW204T25 | 204(w)x25(h) (L=3m) |  |  | 84,000 | 252,000 | 420,000 | 5.0 |
| 7 | * Ốp trần * Ốp tường | KW204T9 | 204(w)x9(h) (L=3m) |  |  gonhuaqmaxhome.com | 73,000 | 219,000 | 365,000 | 5.0 |
| 8 | * Ốp trần * Ốp tường | KW204T12 | 204(w)x12(h) (L=3m) |  |  | 77,000 | 231,000 | 385,000 | 5.0 |

| | | | | | | | | | |
|----|-------------------------|----------|------------------------|---|---|--------|---------|---------|-----|
| 9 | * Ốp trần * Ốp tường | KW204T21 | 204(w)x21(h) (L=3m) |  |  | 90,000 | 270,000 | 450,000 | 5.0 |
| 10 | Phào chân tường 100 | KPCT100 | 100(w)x12(h) (L=3m) |  |  gonhuaqmaxhome.com | 40,000 | 120,000 | | |
| 11 | Phào cổ trần 80 | KPCT80 | 100(w)x18(h) (L=3m) |  |  | 38,000 | 114,000 | | |
| 12 | Phào cổ trần 100 | KPCT100 | 100(w)x18(h) (L=3m) |  |  | 42,000 | 126,000 | | |
| 13 | Phào cửa 50 | KPC50 | 50(w)x30(h) (L=3m) |  |  | 36,000 | 108,000 | | |
| 14 | Phào cửa 70 | KPC70 | 70(w)x30(h) (L=3m) |  |  | 41,000 | 123,000 | | |
| 15 | Phào lệch 60 | KPL60 | 60(w)x21(h) (L=3m) |  |  | 38,000 | 114,000 | | |

| | | | | | | | | | |
|----|---------------|--------|-----------------------|---|--|--------|--------|--|--|
| 16 | Phào lệch 30 | KPL30 | 30(w)x21(h) (L=3m) |  |  | 30,000 | 90,000 | | |
| 17 | Phào cân 50 | KPC50 | 50(w)x35(h) (L=3m) |  |  | 32,000 | 96,000 | | |
| 18 | Phào cân 35 | KPC35 | 35(w)x18(h) (L=3m) |  |  | 30,000 | 90,000 | | |
| 19 | Phào góc | KPGT | 37(w)x16(h) (L=3m) |  |  | 25,000 | 75,000 | | |
| 20 | Phào kết thúc | KPKT40 | 40(w)x13(h) (L=3m) |  |  gonhuaqmaxhome.com | 25,000 | 75,000 | | |
| 21 | Phào U | KPU30 | 30(w)x11(h) (L=3m) |  |  | 25,000 | 75,000 | | |
| 22 | H nổi | KHN40 | 40(w)x14(h) (L=3m) |  |  | 25,000 | 75,000 | | |

| | | | | | | | | | |
|----|-------------------------|-----------|------------------------|---|---|--------|---------|---------|------|
| 23 | Nẹp V | VK40 | 40(w)x40(h) (L=3m) |  |  | 25,000 | 75,000 | | |
| 24 | * Ốp trần * Ốp tường | EW115T9P | 115(w)x9(h) (L=3m) |  |  | 50,000 | 150,000 | 500,000 | 10.0 |
| 25 | * Ốp trần * Ốp tường | EW204T16P | 204(w)x16(h) (L=3m) |  |  | 80,000 | 240,000 | 400,000 | 5.0 |
| 26 | * Ốp trần * Ốp tường | EW159T12P | 115(w)x9(h) (L=3m) |  |  | 60,000 | 180,000 | 400,000 | 6.7 |
| 27 | * Ốp trần * Ốp tường | EW205T10P | 205(w)x10(h) (L=3m) |  |  | 88,000 | 255,200 | 450,000 | 5.1 |
| 28 | * Ốp trần * Ốp tường | EW202T28P | 202(w)x28(h) (L=3m) |  |  | 98,000 | 294,000 | 500,000 | 5.0 |
| 29 | * Ốp trần * Ốp tường | EW168T24P | 168(w)x24(h) (L=3m) |  |  | 77,000 | 231,000 | 480,000 | 6.2 |

| | | | | | | | | | |
|----|---|-----------|----------------------------|---|---|---------|---------|---------|-----|
| 30 | * Ốp trần * Ốp tường | EW170T18P | 170(w)x18(h) (L=3m) |  |  | 72,000 | 208,800 | 450,000 | 6.3 |
| 31 | * Lam đứng * Trần nan * Lam tường | EW100T50P | 100(w)x50(h) (L=3m, 6m) |  |  | 95,000 | 285,000 | | |
| 32 | * Lam đứng * Trần nan * Lam tường | EW150T50P | 150(w)x50(h) (L=2.9m) |  |  | 170,000 | 493,000 | | |
| 33 | * Lam đứng * Trần nan * Lam tường | EW50T50P | 50(w)x50(h) (L=3m, 6m) |  |  | 85,000 | 255,000 | | |
| 34 | * Trần nan * Lam tường | EW60T40P | 60(w)x40(h) (L=3m, 6m) |  |  | 60,000 | 180,000 | | |
| 35 | * Trần nan * Lam tường | EW100T40P | 100(w)x40(h) (L=3m, 6m) |  |  | 85,000 | 255,000 | | |

1 Đơn giá trên chưa bao gồm VAT 10%, áp dụng từ ngày 01.01.2023 và thay thế mọi báo giá trước đó.

2 Giao hàng tại nhà máy

3 Phương thức thanh toán: Thanh toán 100% trước khi nhận hàng. Đối với đơn hàng đặt sản xuất theo kích thước đặt cọc 50%, thanh toán 100% trước giao hàng

4 Quý khách hàng kiểm tra hàng về số lượng, chủng loại và chất lượng hàng hóa trước khi giao nhận; hàng đã giao nhận xong không trả lại hoặc đổi hàng